

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy trình áp dụng quản lý rủi ro đánh giá, xác định người nộp thuế có dấu hiệu rủi ro trong quản lý và sử dụng hóa đơn

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THUẾ

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn chứng từ;

Căn cứ Quyết định số 41/2018/QĐ-TTg ngày 25/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thuế thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 15/2021/QĐ-TTg ngày 30/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 3 Quyết định số 41/2018/QĐ-TTg ngày 25/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thuế thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 31/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về áp dụng quản lý rủi ro trong quản lý thuế;

Căn cứ Thông tư số 78/2021/TT-BTC ngày 17/9/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Luật quản lý thuế ngày 13/6/2019, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn chứng từ;

Căn cứ Quyết định số 2363/QĐ-TCT ngày 16/12/2015 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế quy định Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý rủi ro trực thuộc Tổng cục Thuế;

Căn cứ Quyết định số 183/QĐ-TCT ngày 10/3/2023 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế quy định về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý rủi ro trực thuộc Tổng cục Thuế;

Căn cứ Quyết định số 78/QĐ-TCT ngày 02/02/2023 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế về việc ban hành Bộ chỉ số tiêu chí đánh giá, xác định người nộp

thuế có dấu hiệu rủi ro trong quản lý và sử dụng hóa đơn;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý rủi ro.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình áp dụng quản lý rủi ro đánh giá, xác định người nộp thuế có dấu hiệu rủi ro trong quản lý và sử dụng hóa đơn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các Vụ, đơn vị thuộc Tổng cục Thuế; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực, quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc Cục Thuế các tỉnh và thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Đ* *TR*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, QLRR. *3*
502





QUY TRÌNH

Áp dụng quản lý rủi ro đánh giá, xác định người nộp thuế có dấu hiệu rủi ro trong quản lý và sử dụng hóa đơn

(Ban hành kèm theo Quyết định số 575/QĐ-TCT ngày 10 tháng 5 năm 2023 của Tổng cục Trưởng Tổng cục Thuế)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích

- Hướng dẫn cơ quan thuế thực hiện thu thập, phân tích thông tin, phân loại mức độ rủi ro người nộp thuế trong quản lý và sử dụng hóa đơn theo quy định của pháp luật.
- Chuẩn hoá các nội dung và các bước công việc, tạo sự thống nhất, khách quan trong công tác đánh giá người nộp thuế có dấu hiệu rủi ro trong quản lý và sử dụng hóa đơn.
- Góp phần hiện đại hoá công tác đánh giá người nộp thuế có dấu hiệu rủi ro trong quản lý và sử dụng hóa đơn, nâng cao khả năng phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các tổ chức, cá nhân có hành vi mua bán, sử dụng hóa đơn không hợp pháp hoặc sử dụng không hợp pháp hóa đơn nhằm gian lận tiền thuế, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi áp dụng

Quy trình này hướng dẫn về trình tự, thủ tục thực hiện áp dụng quản lý rủi ro để đánh giá, phân loại người nộp thuế là doanh nghiệp, tổ chức, hộ kinh doanh có dấu hiệu rủi ro trong quản lý và sử dụng hóa đơn để thực hiện rà soát, kiểm tra và thực hiện các biện pháp quản lý khác phù hợp.

Quy trình này áp dụng cho cơ quan thuế các cấp: Tổng cục Thuế, Cục Thuế, Chi cục Thuế (bao gồm cả Chi cục Thuế khu vực).

Điều 3. Giải thích từ ngữ và cụm từ viết tắt

1. Giải thích từ ngữ

a) Ngưỡng rủi ro: là khoảng điểm cụ thể được ban hành dựa trên tổng số điểm rủi ro của người nộp thuế hoặc số lượng, tỷ lệ % người nộp thuế theo danh sách được phân loại tính từ người nộp thuế có điểm rủi ro cao nhất đến người nộp thuế có điểm rủi ro thấp nhất. Ngưỡng rủi ro sử dụng để phân loại rủi ro đối với tất cả người nộp thuế được đánh giá.

b) Ứng dụng Quản lý rủi ro: là ứng dụng công nghệ thông tin thực hiện việc kết nối, tiếp nhận thông tin từ các nguồn dữ liệu liên quan trong và ngoài cơ

quan thuế, điện tử hóa các biện pháp, kỹ thuật quản lý rủi ro dựa trên bộ tiêu chí, chỉ số tiêu chí được ban hành để phân tích, đánh giá tuân thủ, xác định mức độ rủi ro phục vụ cho việc quyết định áp dụng các biện pháp nghiệp vụ của cơ quan thuế.

c) Thời điểm đánh giá: là thời điểm thực hiện phân tích thông tin đánh giá rủi ro người nộp thuế.

d) Năm đánh giá: là năm chọn các thông tin dữ liệu để thực hiện phân tích.

e) Bộ phận Thanh tra - kiểm tra: Cục Thanh tra - Kiểm tra thuộc Tổng cục Thuế; Phòng được giao nhiệm vụ Thanh tra - Kiểm tra của Cục thuế Doanh nghiệp lớn thuộc Tổng cục Thuế; các Phòng Thanh tra - Kiểm tra thuộc Cục thuế; các Phòng, Đội Kiểm tra thuế và các Đội Quản lý thuế xã, phường/liên xã phường hoặc Đội Nghiệp vụ quản lý thuế (trong trường hợp Chi cục Thuế không có Đội kiểm tra thuế và Đội Quản lý thuế xã, phường/liên xã phường) thuộc Chi cục Thuế.

f) Bộ phận Quản lý rủi ro: Ban Quản lý rủi ro thuộc Tổng cục Thuế. Đối với Cục Thuế và Chi cục Thuế chưa có đơn vị chuyên trách thực hiện nhiệm vụ quản lý rủi ro phải chỉ định một bộ phận được giao nhiệm vụ thực hiện công tác quản lý rủi ro làm đầu mối thực hiện nhiệm vụ phân tích, đánh giá rủi ro lập kế hoạch tại Cục Thuế, Chi cục Thuế.

g) Bộ phận Công nghệ thông tin: Cục Công nghệ thông tin thuộc Tổng cục Thuế; Phòng Công nghệ thông tin thuộc Cục Thuế; Đội Kê khai - Kế toán thuế - Tin học/Đội Kê khai - Kế toán thuế - Tin học - Nghiệp vụ - Dự toán - Pháp chế/Đội Nghiệp vụ quản lý thuế thuộc Chi cục Thuế.

2. Các cụm từ viết tắt

- Người nộp thuế viết tắt là NNT.
- Quản lý rủi ro viết tắt là QLRR.
- Chỉ số tiêu chí viết tắt là CSTC.

Chương II

NỘI DUNG QUY TRÌNH

Điều 4. Thu thập, xử lý thông tin

Cơ quan thuế thực hiện thu thập, cập nhật và xử lý thông tin nhằm đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và kịp thời trước khi phân tích, đánh giá rủi ro người nộp thuế trong quản lý và sử dụng hóa đơn.

Thông tin phục vụ công tác phân tích, đánh giá rủi ro người nộp thuế trong quản lý và sử dụng hóa đơn được thu thập từ cơ sở dữ liệu ngành thuế, được

quản lý tập trung tại Tổng cục Thuế thông qua ứng dụng công nghệ thông tin và được xử lý, chia sẻ, cung cấp cho cơ quan thuế các cấp để thực hiện công tác quản lý thuế theo quy định của pháp luật.

Cơ quan thuế, công chức thuế thực hiện thu thập, xử lý thông tin theo Quy trình thu thập, khai thác thông tin phục vụ quản lý rủi ro ban hành tại Quyết định số 86/QĐ-TCT ngày 08/02/2023 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế.

Điều 5. Xây dựng, sử dụng Bộ chỉ số tiêu chí đánh giá, xác định người nộp thuế có dấu hiệu rủi ro trong quản lý và sử dụng hóa đơn

Bộ chỉ số tiêu chí đánh giá, xác định NNT có dấu hiệu rủi ro trong quản lý và sử dụng hóa đơn ban hành theo Quyết định số 78/QĐ-TCT ngày 02/02/2023 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế (sau đây gọi là Quyết định số 78/QĐ-TCT) được áp dụng thống nhất tại cơ quan thuế các cấp để phân loại mức độ rủi ro NNT trong quản lý và sử dụng hóa đơn. Trường hợp Bộ chỉ số tiêu chí nêu trên được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo Bộ chỉ số tiêu chí sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Để đáp ứng yêu cầu quản lý theo từng thời kỳ, Tổng cục Thuế ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung chỉ số tiêu chí ngoài các CSTC đã ban hành trong thẩm quyền được giao. Ban Quản lý rủi ro chủ trì phối hợp với các Vụ/đơn vị/Cục Thuế nghiên cứu, tham mưu trình Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế ban hành bổ sung hoặc điều chỉnh các CSTC phân tích rủi ro.

Trong trường hợp cần thiết, để phù hợp với thực tế công tác quản lý thuế tại địa phương, Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có văn bản đề nghị Tổng cục Thuế ban hành sửa đổi, bổ sung tiêu chí, chỉ số tiêu chí đánh giá rủi ro. Văn bản đề nghị nêu rõ lý do; cơ sở lập tiêu chí, chỉ số tiêu chí; công thức tính; điểm số; trọng số của từng tiêu chí, chỉ số tiêu chí. Văn bản đề nghị của Cục Thuế gửi về Tổng cục Thuế (qua Ban Quản lý rủi ro) chậm nhất trước ngày 30/6 hàng năm.

Điều 6. Đánh giá, phân loại người nộp thuế

1. Nguyên tắc chung

Việc phân tích, đánh giá, phân loại người nộp thuế có dấu hiệu rủi ro trong quản lý và sử dụng hóa đơn được thực hiện tự động trên ứng dụng QLRR theo từng cơ quan thuế quản lý trực tiếp NNT. Trường hợp ứng dụng QLRR thiếu thông tin để xác định NNT có dấu hiệu rủi ro thì việc áp dụng QLRR được thực hiện thủ công bằng văn bản đề xuất hoặc văn bản ký phát hành của người có thẩm quyền áp dụng các biện pháp nghiệp vụ quản lý thuế theo quy định.

Việc đánh giá, phân loại người nộp thuế được thực hiện trên cơ sở thông tin quản lý rủi ro được cập nhật trên ứng dụng QLRR tại thời điểm đánh giá và các tiêu chí, chỉ số tiêu chí phân tích thông tin đánh giá NNT có dấu hiệu rủi ro trong quản lý và sử dụng hóa đơn do Tổng cục Thuế ban hành.

Việc đánh giá, phân loại người nộp thuế được thực hiện định kỳ vào ngày 25 hàng tháng.

2. Xây dựng ngưỡng rủi ro

Ngưỡng rủi ro là căn cứ phân loại rủi ro của người nộp thuế theo 3 hạng: rủi ro cao, rủi ro trung bình và rủi ro thấp. Ngưỡng rủi ro phải phê duyệt trên hệ thống và có hiệu lực kể từ ngày được phê duyệt. Ngưỡng rủi ro được điều chỉnh, ban hành theo yêu cầu quản lý từng thời kỳ. Việc xác định ngưỡng rủi ro được thực hiện đối với CSTC chấm điểm Nhóm II quy định tại Điều 8 Bộ CSTC ban hành theo Quyết định số 78/QĐ-TCT và do Tổng cục Thuế hướng dẫn thực hiện làm căn cứ phân loại rủi ro của NNT.

- Việc phân ngưỡng rủi ro cao thực hiện theo hai (02) phương pháp sau:

+ Phương pháp số tuyệt đối: số lượng NNT có dấu hiệu rủi ro cao được ấn định cụ thể cho từng cơ quan thuế theo số lượng NNT hoặc theo tổng điểm rủi ro.

+ Phương pháp số tương đối: số lượng NNT có dấu hiệu rủi ro cao xác định theo tỷ lệ % tính trên số lượng NNT đang hoạt động đưa vào phân tích theo phạm vi phân tích.

- Tỷ lệ (số lượng) NNT xếp hạng rủi ro thấp tương ứng với 50% tổng số NNT lấy từ tổng điểm rủi ro thấp nhất trở lên.

- Tỷ lệ (số lượng) NNT xếp hạng rủi ro trung bình: là tỷ lệ (số lượng) NNT còn lại sau khi trừ đi số NNT rủi ro cao và số NNT rủi ro thấp.

Trường hợp người nộp thuế thuộc ngưỡng rủi ro cao nhưng có điểm trùng nhau thì xét theo chỉ số tiêu chí phụ với thứ tự ưu tiên như sau:

| STT | Chỉ số tiêu chí |
|------------|---|
| 1. | Số kỳ chậm kê khai thuế GTGT từ cao đến thấp. |
| 2. | Số lần thay đổi về trụ sở, địa điểm kinh doanh. |
| 3. | Người nộp thuế có thay đổi người đại diện trước pháp luật hoặc chuyển địa điểm kinh doanh dẫn đến thay đổi cơ quan thuế quản lý. |
| 4. | Trong thời gian một (01) năm tính đến thời điểm đánh giá, người nộp thuế nhiều lần bị cơ quan thuế ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn. |
| 5. | Người nộp thuế có tỷ lệ “Tổng số thuế GTGT phải nộp/Tổng doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ kỳ này” thấp. |
| 6. | Người nộp thuế có tỷ lệ “Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ kỳ này/Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ kỳ trước liền kề” lớn. |

3. Đánh giá, phân loại người nộp thuế

3.1. Nhóm I - Nhóm CSTC xác định người nộp thuế chuyển từ sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế sang hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế

Căn cứ Nhóm I - Nhóm CSTC quy định tại Điều 8 Bộ CSTC ban hành kèm theo Quyết định số 78/QĐ-TCT, ứng dụng QLRR hỗ trợ lọc người nộp thuế có một trong các dấu hiệu rủi ro và đưa ra danh sách NNT có dấu hiệu rủi ro cao theo mẫu số 01-QLHĐ/QTr-QLRR ban hành kèm theo Quyết định này. Trường hợp ứng dụng QLRR thiếu thông tin để xác định người nộp thuế có dấu hiệu rủi ro thì công chức thuế căn cứ hồ sơ khai thuế và các nguồn thông tin mà cơ quan thuế có được để rà soát, kiểm tra thực tế xác định người nộp thuế rủi ro cao.

Bộ phận Thanh tra - kiểm tra rà soát, kiểm tra thực tế (nếu cần), lập danh sách NNT chuyển đổi sang áp dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo mẫu 01-QLHĐ/QTr-QLRR, trình Lãnh đạo cơ quan thuế phê duyệt trước ngày 05 hàng tháng. Cục Thuế có trách nhiệm tổng hợp danh sách NNT thuộc quản lý của Chi cục Thuế và NNT thuộc quản lý của Cục Thuế.

3.2. Nhóm II - Nhóm CSTC xác định người nộp thuế có dấu hiệu rủi ro phải thực hiện kiểm tra việc quản lý và sử dụng hóa đơn

Căn cứ Bộ chỉ số tiêu chí đã được thiết lập theo quy định tại Nhóm II- Nhóm CSTC quy định tại Điều 8 Bộ CSTC ban hành kèm theo Quyết định số 78/QĐ-TCT, ứng dụng QLRR sẽ tự động tính điểm rủi ro của từng NNT theo từng chỉ số tiêu chí và xác định tổng điểm rủi ro của các chỉ số tiêu chí vào ngày 25 hàng tháng. Trên cơ sở ngưỡng rủi ro đã được phê duyệt và tổng điểm rủi ro của NNT, ứng dụng QLRR phân loại NNT theo 3 hạng: rủi ro cao, rủi ro trung bình, rủi ro thấp.

Danh sách người nộp thuế có dấu hiệu rủi ro được lập theo mẫu số 02-QLHĐ/QTr-QLRR ban hành kèm theo Quyết định này.

3.3. Nhóm III - Nhóm chỉ số tiêu chí tham khảo xác định NNT có dấu hiệu rủi ro phải kiểm tra việc quản lý và sử dụng hóa đơn

Tùy thuộc vào yêu cầu quản lý từng thời kỳ, cơ quan thuế có thể sử dụng nhóm chỉ số tiêu chí tham khảo xác định người nộp thuế có dấu hiệu rủi ro phải kiểm tra việc quản lý và sử dụng hóa đơn để thực hiện phân tích rủi ro về NNT. Cơ quan thuế có thể sử dụng một hoặc một số các chỉ số tiêu chí Nhóm III để phân tích, đánh giá, xác định NNT có dấu hiệu rủi ro cao. Đối với nhóm CSTC này, cơ quan thuế thực hiện nhập thông số cho các CSTC, ứng dụng QLRR sẽ hỗ trợ phân tích rủi ro và lọc những NNT có dấu hiệu rủi ro thuộc một trong các chỉ số tiêu chí Nhóm III để đưa vào danh sách NNT cần rà soát, kiểm tra mà không qua chấm điểm rủi ro.

Danh sách người nộp thuế có dấu hiệu rủi ro được lập theo mẫu số 03-QLHĐ/QTr-QLRR ban hành kèm theo Quyết định này.

4. Xử lý kết quả đánh giá, phân loại, xác định người nộp thuế có dấu hiệu rủi ro trong quản lý và sử dụng hóa đơn

Căn cứ kết quả phân tích rủi ro và ngưỡng rủi ro, hệ thống hỗ trợ đưa ra danh sách các người nộp thuế có dấu hiệu rủi ro cao. Lãnh đạo cơ quan thuế (có thể ủy quyền cho trưởng bộ phận Quản lý rủi ro) thực hiện phê duyệt danh sách người nộp thuế có dấu hiệu rủi ro cao.

Bộ phận Quản lý rủi ro tại cơ quan thuế thực hiện kết xuất danh sách NNT có dấu hiệu rủi ro cao trên ứng dụng QLRR theo mẫu số 01-QLHĐ/QTr-QLRR, mẫu số 02-QLHĐ/QTr-QLRR và mẫu số 03-QLHĐ/QTr-QLRR (nếu có) để chuyển tới bộ phận Thanh tra – kiểm tra quản lý trực tiếp NNT để phục vụ công tác quản lý và sử dụng hóa đơn. Ứng dụng QLRR hỗ trợ in phiếu nhận xét kết quả phân tích của từng NNT phải kiểm tra theo Mẫu số 04-QLHĐ/QTr-QLRR ban hành kèm theo Quyết định này.

Chậm nhất là ngày 28 hàng tháng, bộ phận Quản lý rủi ro chuyển đến bộ phận Thanh tra – kiểm tra danh sách NNT có dấu hiệu rủi ro cao đã được phê duyệt nêu trên để phục vụ công tác rà soát, kiểm tra thực tế việc quản lý và sử dụng hóa đơn. Cụ thể như sau:

+ Đối với danh sách người nộp thuế có dấu hiệu rủi ro cao theo CSTC Nhóm I ban hành kèm theo Quyết định số 78/QĐ-TCT sẽ được cơ quan thuế rà soát để kiểm tra thực tế (nếu cần) xác định NNT có rủi ro chuyển từ sử dụng hoá đơn điện tử không có mã sang hoá đơn điện tử có mã của cơ quan thuế.

+ Đối với danh sách người nộp thuế có dấu hiệu rủi ro cao theo kết quả phân loại rủi ro tại CSTC Nhóm II, III quy định tại Điều 8 ban hành theo Quyết định số 78/QĐ-TCT là căn cứ để cơ quan thuế thực hiện kiểm tra vi phạm pháp luật về hoá đơn.

5. Xử lý danh sách người nộp thuế có dấu hiệu rủi ro trong quản lý và sử dụng hóa đơn

5.1. Lãnh đạo bộ phận Thanh tra – kiểm tra căn cứ vào danh sách NNT có dấu hiệu rủi ro cao thực hiện phân công công chức trực tiếp xử lý danh sách NNT có dấu hiệu rủi ro cao để rà soát kiểm tra theo quy trình quản lý hóa đơn điện tử và quy trình kiểm tra thuế hiện hành.

5.2. Căn cứ trên danh sách được phân công, công chức thuế thực hiện kiểm tra các nội dung rủi ro cao theo kết quả phân tích của từng chỉ số tiêu chí.

Qua kết quả rà soát thanh tra – kiểm tra, công chức xử lý hồ sơ thực hiện loại trừ các rủi ro đã rõ nguyên nhân, đã được giải trình hợp lý tại các tháng/quý trước đó, trình Lãnh đạo bộ phận Thanh tra – kiểm tra và Lãnh đạo cơ quan thuế phê duyệt. Lãnh đạo cơ quan thuế chịu trách nhiệm về các quyết định của mình.

- Trường hợp người nộp thuế qua đánh giá phân loại thuộc danh sách NNT có dấu hiệu rủi ro cao nhưng khi thực hiện rà soát, kiểm tra thực tế hai (02)

kỳ khai thuế trước lại không phát sinh hành vi vi phạm pháp luật về thuế, hành vi vi phạm về hóa đơn sẽ được tiếp tục đưa vào phân tích, đánh giá rủi ro sau thời hạn sáu (06) tháng kể từ khi có kết quả kiểm tra.

- Trường hợp cơ quan thuế trong công tác quản lý thuế có thông tin tin cậy làm giảm mức độ rủi ro của NNT tới mức thấp hoặc có cơ sở cho rằng mức độ rủi ro của NNT là thấp thì cơ quan thuế quyết định không lựa chọn NNT đó để kiểm tra tại trụ sở cơ quan thuế.

- Trường hợp trong công tác quản lý thuế, cơ quan thuế có thông tin tin cậy xác định NNT có dấu hiệu rủi ro cao trong quản lý và sử dụng hóa đơn thì cơ quan thuế lựa chọn bổ sung vào kế hoạch kiểm tra.

Sau khi thực hiện rà soát, giải trình bổ sung danh sách người nộp thuế có dấu hiệu rủi ro cao mà cơ quan thuế cần thực hiện kiểm tra về hóa đơn, bộ phận Thanh tra - kiểm tra sẽ trình Lãnh đạo cơ quan thuế phê duyệt danh sách. Trên cơ sở danh sách người nộp thuế có dấu hiệu rủi ro cao đã được Lãnh đạo cơ quan thuế phê duyệt, bộ phận Thanh tra – kiểm tra chuyển bộ phận Quản lý rủi ro nhập lý do bổ sung hoặc loại trừ NNT trong danh sách NNT có dấu hiệu rủi ro cao vào ứng dụng QLRR theo mẫu số 01-QLHĐ/QTr-QLRR, mẫu số 02-QLHĐ/QTr-QLRR và mẫu số 03-QLHĐ/QTr-QLRR ban hành kèm theo Quyết định này chậm nhất ngày là 05 của tháng tiếp theo.

5.3. Đối với danh sách người nộp thuế có dấu hiệu rủi ro cao theo CSTC Nhóm I ban hành kèm theo Quyết định số 78/QĐ-TCT: sau khi được cơ quan thuế rà soát, kiểm tra thực tế (nếu cần) và xác định NNT có rủi ro chuyển từ sử dụng hóa đơn điện tử không có mã sang hóa đơn có mã của cơ quan thuế, căn cứ danh sách người nộp thuế phải chuyển từ hoá đơn không có mã sang hoá đơn có mã của cơ quan thuế, Lãnh đạo cơ quan thuế (có thể ủy quyền cho bộ phận QLRR) phê duyệt trên ứng dụng QLRR để chuyển sang ứng dụng hoá đơn điện tử.

Đối với danh sách người nộp thuế có dấu hiệu rủi ro cao cần kiểm tra theo CSTC Nhóm II và Nhóm III ban hành kèm theo Quyết định số 78/QĐ-TCT: căn cứ vào danh sách người nộp thuế có rủi ro cao cần kiểm tra. Lãnh đạo cơ quan thuế (có thể ủy quyền cho bộ phận QLRR) phê duyệt trên ứng dụng QLRR để chuyển sang ứng dụng thanh tra – kiểm tra. Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra việc quản lý và sử dụng hóa đơn theo quy định hiện hành của pháp luật thuế và pháp luật về hóa đơn đối với NNT có rủi ro cao và các tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh liên quan trong sử dụng hóa đơn nếu cần thiết.

Điều 7. Báo cáo kết quả thực hiện công tác áp dụng quản lý rủi ro trong việc đánh giá người nộp thuế có dấu hiệu rủi ro trong quản lý và sử dụng hóa đơn

1. Đối với Cục Thuế, Chi cục Thuế

Cơ quan thuế thực hiện thống kê kết quả rà soát danh sách người nộp thuế có dấu hiệu rủi ro cao cần áp dụng quản lý rủi ro trong quản lý và sử dụng hóa đơn; kết quả người nộp thuế có dấu hiệu rủi ro cao trên ứng dụng QLRR. Nội dung đánh giá bao gồm:

- Báo cáo đánh giá dấu hiệu nhận diện người nộp thuế rủi ro cao của từng cơ quan thuế cho cơ quan thuế cấp trên theo mẫu số 05-QLHĐ/QTr-QLRR ban hành kèm theo Quyết định này.

Việc đánh giá hiệu quả của từng chỉ số tiêu chí thực hiện theo mẫu số 06-QLHĐ/QTr-QLRR và mẫu số 07-QLHĐ/QTr-QLRR (nếu có) ban hành kèm theo Quyết định này. Ứng dụng QLRR thực hiện tự động vào ngày 05/02 và 05/08 hàng năm hoặc theo yêu cầu của cơ quan thuế.

- Đánh giá kết quả đạt được, những khó khăn, vướng mắc, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả của việc áp dụng quản lý rủi ro trong công tác đánh giá, xác định người nộp thuế có dấu hiệu rủi ro trong quản lý và sử dụng hóa đơn.

- Thời hạn gửi báo cáo đánh giá:

- + Chi cục Thuế gửi báo cáo đánh giá về Cục Thuế trước ngày 15/02 hàng năm.

- + Cục Thuế gửi báo cáo đánh giá của Văn phòng Cục Thuế và các Chi cục Thuế trực thuộc về Tổng cục Thuế (qua Ban quản lý rủi ro) trước ngày 25/02 hàng năm.

Việc đánh giá được thực hiện định kỳ hàng năm và theo các yêu cầu nghiệp vụ phát sinh cụ thể.

2. Đối với Tổng cục Thuế

Ban Quản lý rủi ro chủ trì, phối hợp với Cục Thanh tra – Kiểm tra thuế và các đơn vị liên quan thực hiện:

- Định kỳ hàng năm tổng hợp phân tích thông tin, đánh giá kết quả, đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả việc áp dụng quản lý rủi ro trong công tác đánh giá người nộp thuế có dấu hiệu rủi ro trong quản lý và sử dụng hóa đơn.

- Tổng hợp báo cáo đánh giá việc áp dụng quản lý rủi ro trong quản lý và sử dụng hóa đơn.

- Tổ chức công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai phân tích thông tin đánh giá người nộp thuế có dấu hiệu rủi ro trong quản lý và sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế các cấp.

- Trước ngày 28/02 hàng năm, tổng hợp báo cáo đánh giá áp dụng quản lý rủi ro trong quản lý và sử dụng hóa đơn của toàn ngành thuế báo cáo Tổng cục.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Ban Quản lý rủi ro chủ trì phối hợp với Cục Thanh tra – Kiểm tra thuế của Tổng cục Thuế chịu trách nhiệm hướng dẫn, chỉ đạo triển khai thực hiện quy trình này.

2. Lãnh đạo cơ quan thuế các cấp chịu trách nhiệm tổ chức, triển khai thực hiện theo quy trình này; định kỳ hoặc đột xuất tổ chức kiểm tra việc thực hiện quy trình của các đơn vị thuộc quyền quản lý.

3. Trong quá trình tổ chức, triển khai thực hiện nếu có vướng mắc, các Vụ/đơn vị thuộc Tổng cục Thuế, Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phản ánh, báo cáo kịp thời về Tổng cục Thuế (qua Ban Quản lý rủi ro) để xem xét giải quyết./.

Phụ Lục
DANH MỤC BIỂU MẪU

(Ban hành kèm theo Quyết định số 575/QĐ-TCT ngày 10 tháng 05 năm 2023 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế)

| STT | Mẫu số | Tên biểu mẫu | Số trang |
|-----|-----------------|---|----------|
| 1 | 01-QLHD/QT-QLRR | Danh sách người nộp thuế có dấu hiệu rủi ro cao (Áp dụng đối với chi số tiêu chí Nhóm I Bộ CSTC ban hành theo QĐ số 78/QĐ-TCT ngày 02/02/2023) | 01 |
| 2 | 02-QLHD/QT-QLRR | Danh sách xếp hạng rủi ro người nộp thuế (Áp dụng đối với CSTC Nhóm II Bộ CSTC ban hành theo QĐ số 78/QĐ-TCT ngày 02/02/2023) | 01 |
| 3 | 03-QLHD/QT-QLRR | Danh sách người nộp thuế có dấu hiệu rủi ro cao (Áp dụng đối với CSTC Nhóm III Bộ CSTC ban hành theo QĐ 78/QĐ-TCT ngày 02/02/2023) | 01 |
| 4 | 04-QLHD/QT-QLRR | Phiếu nhận xét kết quả phân tích người nộp thuế (Áp dụng đối với CSTC Nhóm II Bộ CSTC ban hành theo QĐ số 78/QĐ-TCT ngày 02/02/2023) | 02 |
| 5 | 05-QLHD/QT-QLRR | Báo cáo đánh giá dấu hiệu nhận diện người nộp thuế rủi ro cao (Áp dụng đối với chi số tiêu chí Nhóm I Bộ CSTC ban hành theo QĐ số 78/QĐ-TCT ngày 02/02/2023) | 01 |
| 6 | 06-QLHD/QT-QLRR | Báo cáo đánh giá hiệu quả của từng CSTC theo mức độ rủi ro (Áp dụng đối với chi số tiêu chí Nhóm II Bộ CSTC ban hành theo QĐ số 78/QĐ-TCT ngày 02/02/2023) | 01 |
| 7 | 07-QLHD/QT-QLRR | Báo cáo đánh giá hiệu quả dấu hiệu nhận diện người nộp thuế rủi ro (Áp dụng đối với CSTC Nhóm III Bộ CSTC ban hành theo QĐ số 78/QĐ-TCT ngày 02/02/2023) | 01 |



TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP DƯỚI

Mẫu số 01-QLHD/QT-QLR

(Ban hành kèm theo Quyết định số 575/QĐ-TCT ngày 10 tháng 05 năm 2023
của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế)

DANH SÁCH NGƯỜI NỘP THUẾ CÓ DẤU HIỆU RỦI RO CAO

(Áp dụng đối với chi số tiêu chí Nhóm I Bộ CSTC ban hành theo QĐ số 78/QĐ-TCT ngày 02/02/2023)

Kỳ phân tích:

| STT | Mã số thuế | Tên NNT | Địa chỉ | Trạng thái hoạt động | Ngành nghề kinh doanh | Các dấu hiệu rủi ro | | | | | | | | | | Ghi chú (lý do điều chỉnh, bổ sung) |
|-----|------------|---------|---------|----------------------|-----------------------|---------------------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|---------|--|
| | | | | | | CSTC 1 | CSTC 2 | CSTC 3 | CSTC 4 | CSTC 5 | CSTC 6 | CSTC 7 | CSTC 8 | CSTC 9 | CSTC 10 | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) | (16) | (17) |
| 1 | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | | | | | | | | |

☺

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP DƯỚI

Mẫu số 02-QLHD/QT-QLRR
(Ban hành kèm theo Quyết định số 575/QĐ-TCT ngày 10 tháng 05 năm 2023
của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế)

DANH SÁCH NGƯỜI NỘP THUẾ XẾP HÀNG RỦI RO

(Áp dụng đối với chi số tiêu chí Nhóm II Bộ CSTC ban hành theo QĐ số 78/QĐ-TCT ngày 02/02/2023)

Kỳ phân tích:

| STT | Mã số thuế | Tên NNT | Địa bàn phân tích | Trạng thái hoạt động | Ngành nghề | Loại hình kinh tế | Chỉ số 1 | | Chỉ số 2 | | Chỉ số 3 | | Chỉ số ... | | Tổng điểm | Xếp hạng rủi ro | Ghi chú (lý do điều chỉnh, bổ sung) |
|-----|------------|---------|-------------------|----------------------|------------|-------------------|----------|------|----------|------|----------|------|------------|------|-----------|-----------------|--|
| | | | | | | | Kết quả | Điểm | Kết quả | Điểm | Kết quả | Điểm | Kết quả | Điểm | | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) | (16) | (17) | (18) |
| 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3 | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 4 | | | | | | | | | | | | | | | | | |

Đ

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP DƯỚI

Mẫu số 03-QLHD/QT-QLRR

(Ban hành kèm theo Quyết định số 575/QĐ-TCT ngày 10 tháng 05 năm 2023
của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế)

DANH SÁCH NGƯỜI NỘP THUẾ CÓ DẤU HIỆU RỦI RO CAO

(Áp dụng đối với chi số tiêu chí Nhóm III Bộ CSTC ban hành theo QĐ số 78/QĐ-TCT ngày 02/02/2023)

Kỳ phân tích:

| STT | Mã số thuế | Tên NNT | Địa chỉ | Trạng thái hoạt động | Ngành nghề kinh doanh | Các dấu hiệu rủi ro | | | | | | Ghi chú (lý do điều chỉnh, bổ sung) |
|-----|------------|---------|---------|----------------------|-----------------------|---------------------|--------|--------|--------|--------|--------|--|
| | | | | | | CSTC 1 | CSTC 2 | CSTC 3 | CSTC 4 | CSTC 5 | CSTC 6 | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) |
| 1 | | | | | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | | | | |

☑

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN
 TÊN CƠ QUAN THUẾ NHẬN XÉT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT KẾT QUẢ PHÂN TÍCH NGƯỜI NỘP THUẾ

(Áp dụng đối với chỉ số tiêu chí Nhóm II Bộ CSTC ban hành theo QĐ số 78/QĐ-TCT
 ngày 02/02/2023)

Kỳ phân tích:

- Người nộp thuế:
- Mã số thuế:
- Địa chỉ:
- Ngành nghề kinh doanh:
- Công chức kiểm tra:

I. NHẬN XÉT KẾT QUẢ PHÂN TÍCH:

1. Kiểm tra tính đầy đủ, tính pháp lý: (công chức kiểm tra tự ghi)
2. Kiểm tra các dấu hiệu rủi ro:
 - 2.1. Chỉ số tiêu chí 1: (Tên chỉ số tiêu chí): Rủi ro Cao/Vừa/Thấp/Rất thấp
 Kết quả của chỉ số tiêu chí:
 - 2.2. Chỉ số tiêu chí 2: (Tên chỉ số tiêu chí): Rủi ro Cao/Vừa/Thấp/Rất thấp
 Kết quả của chỉ số tiêu chí:
 - 2.3. Chỉ số tiêu chí 3: (Tên chỉ số tiêu chí): Rủi ro Cao/Vừa/Thấp/Rất thấp
 Kết quả của chỉ số tiêu chí:
 - 2.4. Chỉ số tiêu chí 4: (Tên chỉ số tiêu chí): Rủi ro Cao/Vừa/Thấp/Rất thấp
 Kết quả của chỉ số tiêu chí:
 - 2.5. Chỉ số tiêu chí 5: (Tên chỉ số tiêu chí): Rủi ro Cao/Vừa/Thấp/Rất thấp
 Kết quả của chỉ số tiêu chí:
 - 2.6. Chỉ số tiêu chí 6: (Tên chỉ số tiêu chí): Rủi ro Cao/Vừa/Thấp/Rất thấp
 Kết quả của chỉ số tiêu chí:
 - 2.7. Chỉ số tiêu chí 7: (Tên chỉ số tiêu chí): Rủi ro Cao/Vừa/Thấp/Rất thấp
 Kết quả của chỉ số tiêu chí:
 - 2.8. Chỉ số tiêu chí 8: (Tên chỉ số tiêu chí): Rủi ro Cao/Vừa/Thấp/Rất thấp
 Kết quả của chỉ số tiêu chí:
 - 2.9. Chỉ số tiêu chí 9: (Tên chỉ số tiêu chí): Rủi ro Cao/Vừa/Thấp/Rất thấp
 Kết quả của chỉ số tiêu chí:
 - 2.10. Chỉ số tiêu chí 10: (Tên chỉ số tiêu chí): Rủi ro Cao/Vừa/Thấp/Rất thấp
 Kết quả của chỉ số tiêu chí:
 - 2.11. Chỉ số tiêu chí 11: (Tên chỉ số tiêu chí): Rủi ro Cao/Vừa/Thấp/Rất thấp
 Kết quả của chỉ số tiêu chí:
 - 2.12. Chỉ số tiêu chí 12: (Tên chỉ số tiêu chí): Rủi ro Cao/Vừa/Thấp/Rất thấp
 Kết quả của chỉ số tiêu chí:

2.13. Nội dung nhận xét khác ngoài phần hỗ trợ của chương trình: (công chức kiểm tra tự ghi)

.....
.....
.....

II. XÁC NHẬN KẾT QUẢ KIỂM TRA:

Kiến nghị thông báo yêu cầu người nộp thuế giải trình và bổ sung các nội dung có liên quan đến kết quả nhận xét nêu trên:

.....
.....

ĐỘI TRƯỞNG/TRƯỞNG PHÒNG
Ghi chú: phiếu nhận xét có thể kết xuất ra word

Ngày tháng năm
CÔNG CHỨC KIỂM TRA

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP DƯỚI

Mẫu số 05-Q/HH/QT-QLRR
(Ban hành kèm theo Quyết định số 575/QĐ-TCT ngày 10 tháng 05 năm 2023
của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế)

BÁO CÁO DANH GIẢ DẤU HIỆU NHẬN ĐIỆN NGƯỜI NỘP THUẾ RỦI RO CAO

(Áp dụng đối với chi số tiêu chí Nhóm I Bộ CSTC ban hành theo QĐ số 78/QĐ-TCT ngày 02/02/2023)

Kỳ báo cáo:

Các dấu hiệu nhận diện người nộp thuế rủi ro cao

| STT | Cơ quan thuế | Tổng số người nộp thuế thực hiện rà soát, kiểm tra thực tế trong tháng | Các dấu hiệu nhận diện người nộp thuế rủi ro cao | | | | | | | | | | Ghi chú |
|-----|----------------|--|---|---|--|--|---|--|--|---|--|--|---------|
| | | | Tiêu chí 1 | Tiêu chí 2 | Tiêu chí 3 | Tiêu chí 4 | Tiêu chí 1 | Tiêu chí 2 | Tiêu chí 3 | Tiêu chí 4 | Tiêu chí 1 | Tiêu chí 2 | |
| (1) | (2) | (3) | 1. Người nộp thuế có vốn chủ sở hữu dưới 15 tỷ đồng và không có quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp một trong các cơ sở vật chất ... | 2. Người nộp thuế có thay đổi người đại diện trước pháp luật đồng thời chuyển địa điểm kinh doanh ... | 3. Người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế bị khởi tố về tội trốn thuế, ... | 4. Người đại diện theo pháp luật của DN đồng thời là người đại diện theo pháp luật của DN có thông báo ... | 5. Người nộp thuế có thông báo của cơ quan thuế hoặc cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về việc ... | 6. Người nộp thuế tạm ngưng kinh doanh hoặc có văn bản đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế sau đó ... | 7. Người nộp thuế chậm nộp hồ sơ khai thuế sau 30 ngày ... | 8. Người nộp thuế có vốn chủ sở hữu dưới 15 tỷ đồng và có doanh thu ... | 9. Người nộp thuế có doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ cho các người nộp thuế có quan hệ liên kết ... | 10. Người nộp thuế có giao dịch đáng ngờ theo danh sách cảnh báo ... | (14) |
| 1 | VP Cục Thuế | 20 | 8 | 2 | 1 | - | - | 1 | 5 | 2 | 1 | - | |
| 2 | Chi cục Thuế A | 15 | 3 | ... | | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | | | | | |
| | Tổng cộng | | | | | | | | | | | | |

(Chữ ký)

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP DƯỚI

Mẫu số 06-QLHD/QT-QI,RR

(Ban hành kèm theo Quyết định số 575/QĐ-TCT ngày 10 tháng 05 năm 2023 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế)

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CỦA TỪNG CHỈ SỐ TIÊU CHÍ THEO MỨC ĐỘ RỦI RO

(Áp dụng đối với chỉ số tiêu chí Nhóm II Bộ CSTC ban hành theo QĐ số 78/QĐ-TCT ngày 02/02/2023)

Kỳ báo cáo:

| STT | Mã số thuế | Tên NNT | Các chỉ số tiêu chí được đánh giá ở mức rủi ro cao | | | | | | | | | | | | Tổng số tiền thuế phải nộp điều chỉnh tăng; ấn định; giảm khấu trừ; giảm lỗ; số tiền thuế được miễn, giảm. | Hành vi vi phạm | Ghi chú |
|-----|------------|---------|--|----------|------------|----------|------------|----------|------------|----------|------------|-----------|------------|-----------|--|-----------------|---------|
| | | | Tiêu chí 1 | | Tiêu chí 2 | | Tiêu chí 3 | | Tiêu chí 4 | | Tiêu chí 5 | | Tiêu chí 6 | | | | |
| | | | Chỉ số 1 | Chỉ số 2 | Chỉ số 3 | Chỉ số 4 | Chỉ số 5 | Chỉ số 6 | Chỉ số 7 | Chỉ số 8 | Chỉ số 9 | Chỉ số 10 | Chỉ số 11 | Chỉ số 12 | | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) | (16) | (17) | (18) |
| 1 | | | x | | | | | | | | | | | | 5 tỷ | | |
| 2 | | | x | | x | | | | | | | | | | 10 tỷ | | |
| 3 | ... | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Tổng cộng | | | | | | | | | | | | | | | | |

Ø

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP DƯỚI

Mẫu số 07-Q/HHĐ/QT-QLRR
(Ban hành kèm theo Quyết định số 575/QĐ-TCT ngày 10 tháng 05 năm 2023
của Tổng cục Trưởng Tổng cục Thuế)

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ DẦU HIỆU NHẬN ĐIỆN NGƯỜI NỘP THUẾ RỦI RO

(Áp dụng đối với chi số tiêu chi Nhóm III Bộ CSTC ban hành theo QĐ số 78/QĐ-TCT ngày 02/02/2023)

Kỳ báo cáo:

| STT | Mã số thuế | Tên NNT | Các chi số tiêu chí được đánh giá ở mức rủi ro cao | | | | | | Tổng số tiền thuế phải nộp điều chỉnh tăng; ấn định; giảm khấu trừ; giảm lỗ; số tiền thuế được miễn, giảm. | Hành vi phạm | Chí chú |
|-----|------------|---------|--|--|--|---|--|--|--|--------------|---------|
| | | | 1. Người nộp thuế tạm ngưng doanh hoặc có văn bản đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế ... | 2. Người nộp thuế có vốn chủ sở hữu nhỏ, thời gian thành lập ngắn... | 3. Người nộp thuế đồng thời có vốn chủ sở hữu nhỏ, thời gian thành lập người nộp thuế ngắn, thường xuyên thay đổi địa chỉ kinh doanh, số lượng hóa đơn sử dụng lớn ... | 4. Người nộp thuế đồng thời có vốn chủ sở hữu nhỏ; doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ tăng đột biến so với kỳ trước ... | 5. Người nộp thuế đang có doanh thu phát sinh lớn hoặc có doanh thu biến động giảm so với năm trước liền kề đồng thời có lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh... | 6. Các chi số tiêu chí đánh giá rủi ro khác do Tổng cục Thuế quy định. | | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| 1 | | | X | | | | | | 5 tỷ | | |
| 2 | | | | | | | | | 10 tỷ | | |
| ... | | | | | | | | | | | |
| | Tổng cộng | | | | | | | | | | |

Q